

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Hà Nội, tháng 10 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 2-3 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 4 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 5-6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ | 7-19 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã Tổng giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|------------------------|---|
| Ông Nguyễn Ngọc Thủy | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Mạnh Phú | Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 27/09/2017) |
| Ông Nguyễn Ngọc Khánh | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Bà Nguyễn Thị Dung | Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 27/09/2017) |
| Ông Trần Thanh Hải | Thành viên Hội đồng Quản trị (từ nhiệm ngày 30/05/2017) |
| Bà Vũ Cẩm La Hương | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Nguyễn Trọng Quỳnh | Thành viên Hội đồng Quản trị |
| Ông Quách Mạnh Hào | Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 30/05/2017) |
| Ông Nguyễn Minh Chính | Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 27/09/2017) |

Ban Tổng giám đốc

| | |
|--------------------|--|
| Bà Vũ Cẩm La Hương | Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Thanh Hải | Phó Tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 19/09/2017) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 67.803.369.417 | 42.692.196.242 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 65.692.390.077 | 2.225.444.575 |
| 1. Tiền | 111 | | 65.692.390.077 | 2.225.444.575 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 2.110.979.340 | 40.466.751.667 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 600.000.000 | - |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 1.138.750.000 | 40.000.000.000 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 8 | - | - |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 9 | 372.229.340 | 466.751.667 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 10 | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11 | - | - |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 801.512.893.845 | 284.886.927.645 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 9 | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 751.987.806 | - |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 751.987.806 | - |
| - Nguyên giá | 222 | | 802.350.909 | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (50.363.103) | - |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 14 | - | - |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 15 | 800.679.435.839 | 284.853.700.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 801.991.000.000 | 284.000.000.000 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 599.100.000 | 853.700.000 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | -1.910.664.161 | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 81.470.200 | 33.227.645 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 81.470.200 | 33.227.645 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Lợi thế thương mại | 269 | 16 | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 869.316.263.262 | 327.579.123.887 |
| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 17.551.673.424 | 3.002.518.673 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 17.551.673.424 | 3.002.518.673 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 18.495.500 | 3.000.000 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 50.000.000 | 50.000.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 18 | 15.987.938.132 | 2.785.479.887 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 134.000.000 | - |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 19 | 283.000.000 | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 20 | - | - |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 21 | 18.239.792 | 164.038.786 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 22 | 1.060.000.000 | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 20 | - | - |

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | | | |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 22 | | - |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 851.764.589.838 | 324.576.605.214 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 23 | 851.764.589.838 | 324.576.605.214 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 688.800.000.000 | 313.010.600.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 90.531.970.000 | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 72.432.619.838 | 11.566.005.214 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 11.566.005.214 | (298.875.129) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 60.866.614.624 | 11.864.880.343 |
| 3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | | | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 869.316.263.262 | 327.579.123.887 |



[Signature]
Vũ Cẩm La Hương
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

[Signature]
Nguyễn Mạnh Phú
 Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Thị Hải
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-----------|-------------|-----------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 37.555.176.136 | - |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 24 | 37.555.176.136 | - |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | 218.296.800 | - |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 37.336.879.336 | - |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 17.539.604 | |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 27 | 1.843.756.661 | |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 28 | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 28 | 870.978.900 | 185.474.132 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 34.639.683.379 | (185.474.132) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | 20.031.467 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | 3.957.700 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | - | 16.073.767 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 34.639.683.379 | (169.400.365) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 30 | 6.927.936.675 | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) | 60 | | 27.711.746.704 | (169.400.365) |
| 16.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ | 61 | | - | - |
| 16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 31 | - | - |



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Kỳ này | Kỳ trước |
|--|-------|-------------------|------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| <i>1. Lợi nhuận trước thuế</i> | 01 | 76.121.768.279 | 344.897.741 |
| <i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i> | | (6.855.486.845) | 27.749.997 |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 50.363.103 | 27.749.997 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 1.910.664.161 | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (8.864.968.276) | - |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 48.454.167 | - |
| <i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | 08 | 69.266.281.434 | 372.647.738 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 38.355.772.327 | (46.323.774.306) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | - | (2.261.740.000) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 4.019.231.688 | (767.197.496) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (48.242.555) | (25.403.529) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | 20.550.000.000 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (48.454.167) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (5.785.230.592) | (106.270.711) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | 20 | 105.759.358.135 | (28.561.738.304) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (802.350.909) | (370.000.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 23 | (517.991.000.000) | (488.500.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 254.600.000 | - |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 8.864.968.276 | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | 30 | (509.673.782.633) | (858.500.000) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | 466.321.370.000 | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 175.938.080.000 | - |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

| | | | |
|--|----|-------------------|------------------|
| | | (174.878.080.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 467.381.370.000 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | 63.466.945.502 | (29.420.238.304) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 2.225.444.575 | 30.694.690.503 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | 65.692.390.077 | 1.274.452.199 |



Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 8 ngày 14/08/2017. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 688.800.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm 30/09/2017, Công ty có 02 công ty con là Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 68,91% và Công ty cổ phần phát triển giáo dục Igarten với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết 53,83%.

= ()
Ô I
TÁ
H
= ()

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup; Chủ sở hữu 79,87% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax, Công ty cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten: Công ty con của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết******Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo*

| | Thời gian khấu hao (Số năm) |
|---------------------------------|--------------------------------|
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận giá vốn

Hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản trị, tư vấn tài chính; và xúc tiến thương mại do Công ty thực hiện trực tiếp, theo đó Giá vốn của các hoạt động này chủ yếu là Chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương của toàn Công ty theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty. Giá vốn được ghi nhận tương ứng với doanh thu khi dịch vụ tư vấn đã hoàn thành thành, chuyển giao cho đối tác.

Chi phí đi vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

| | Số cuối kỳ VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 8.884.044.592 | 171.923.739 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 56.808.345.485 | 2.053.520.836 |
| | 65.692.390.077 | 2.225.444.575 |

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối kỳ VND | Số đầu năm VND |
|---|--------------------|-------------------|
| <i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i> | <i>600.000.000</i> | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup | 300.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ | 150.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech | 150.000.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

| | | |
|---|--------------------|---|
| b) Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan | 600.000.000 | - |
| Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu | 300.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Thương mại Gia Vũ - Cùng chủ sở hữu | 150.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục Vietkindertech - Cùng chủ sở hữu | 150.000.000 | - |

Ghi chú: (i) Khoản phải thu cuối kỳ của các bên liên quan là khoản chưa thanh toán theo Hợp đồng:

- Hợp đồng số 26.04/2016/IBC-EGROUP;
- Hợp đồng số 26.12/2016/IBC-GIAVU;
- Hợp đồng số 0409/2016/IBC-VIETKINDERTECH.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | Số cuối kỳ VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|-----------------------|
| a) Trả trước cho người bán ngắn hạn | 1.138.750.000 | 40.000.000.000 |
| Franklin Learning Center | 1.138.750.000 | - |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội | - | - |
| Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải | - | 40.000.000.000 |
| Các đối tượng khác | - | - |
| b) Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan | - | 40.000.000.000 |
| Bà Vũ Cẩm La Hương và ông Trần Thanh Hải - Thành viên Ban Tổng Giám đốc | - | 40.000.000.000 |

7. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| a) Phải thu khác ngắn hạn | 372.229.340 | - | 466.751.667 | - |
| Ký cược, ký quỹ (i) | - | - | - | - |
| Tạm ứng | - | - | 73.000.000 | - |
| Phải thu khác | 372.229.340 | - | 393.751.667 | - |
| b) Phải thu khác dài hạn | - | - | - | - |
| Ký cược, ký quỹ (vii) | - | - | - | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải truyền dẫn | Tổng cộng |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------------------------------|-------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | |
| Số dư đầu năm | | | - | - |
| Tăng TS tại công ty con (i) | | | | - |
| Tăng trong kỳ | | - | 802.350.909 | 802.350.909 |
| Số dư cuối kỳ | - | - | 802.350.909 | 802.350.909 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | |
| Số dư đầu năm | | - | - | - |
| Tăng TS tại công ty con (i) | | | - | - |
| Khấu hao trong kỳ | | | 50.363.103 | 50.363.103 |
| Số dư cuối kỳ | - | - | 50.363.103 | 50.363.103 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | |
| Số dư đầu năm | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | - | - | 751.987.806 | 751.987.806 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý (i) VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | | |
| - Đầu tư vào công ty con | 801.991.000.000 | (1.823.094.161) | 800.167.905.839 | 284.000.000.000 | - | 284.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Anh ngữ Apex | 741.991.000.000 | - | 741.991.000.000 | 284.000.000.000 | - | 284.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten | 60.000.000.000 | (1.823.094.161) | 58.176.905.839 | - | - | - |
| - Đầu tư vào đơn vị khác | 599.100.000 | (87.570.000) | 511.530.000 | 853.700.000 | - | 853.700.000 |
| Cổ phiếu niêm yết | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Xi Măng X18 | 125.100.000 | (87.570.000) | 37.530.000 | 125.100.000 | - | 125.100.000 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | | | | | | |
| Công ty Cổ phần May Nam Định | 360.000.000 | - | 360.000.000 | 360.000.000 | - | 360.000.000 |
| Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện | - | - | - | 254.600.000 | - | 254.600.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ | 114.000.000 | - | 114.000.000 | 114.000.000 | - | 114.000.000 |
| Cộng | 802.590.100.000 | (1.910.664.161) | 800.679.435.839 | 284.853.700.000 | - | 284.853.700.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | Số cuối kỳ VND | Số đầu năm VND |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| <i>a) Ngắn hạn</i> | - | - |
| <i>b) Dài hạn</i> | 81.470.200 | 33.227.645 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 81.470.200 | 33.227.645 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | - | - |

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm VND | Số phải nộp trong kỳ VND | Số đã thực nộp trong kỳ VND | Số cuối kỳ VND |
|-------------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 249.295 | 7.161.678.978 | 3.431.566.504 | 3.730.361.769 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.785.230.592 | 15.255.153.655 | 5.785.230.592 | 12.255.153.655 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 2.422.708 | - | 2.422.708 |
| | 2.785.479.887 | 22.419.255.341 | 9.216.797.096 | 15.987.938.132 |

12. PHẢI TRẢ KHÁC

| | Số cuối kỳ VND | Số đầu năm VND |
|--|-------------------|--------------------|
| <i>a) Ngắn hạn</i> | 18.239.792 | 164.038.786 |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | | |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 18.239.792 | 164.038.786 |
| - Lãi vay phải trả Egroup | | 6.712.328 |
| <i>b) Dài hạn</i> | - | - |
| <i>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</i> | | |
| <i>d) Trong đó phải trả khác là các bên liên quan</i> | - | 6.712.328 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup - Chủ sở hữu | - | 6.712.328 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Số dư tại ngày 01/01/2010 | | | | - |
| Áp dụng chính sách kế toán mới | - | - | - | - |
| Số dư đầu năm trước | 63.010.600.000 | - | (298.875.129) | 62.711.724.871 |
| Tăng vốn góp trong năm | 250.000.000.000 | - | - | 250.000.000.000 |
| Lãi trong năm | - | - | 11.864.880.343 | 11.864.880.343 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | - |
| Giảm khác | - | - | - | - |
| Số dư tại ngày 31/12/2016 | <u>313.010.600.000</u> | - | <u>11.566.005.214</u> | <u>324.576.605.214</u> |
| Điều chỉnh hồi tố | - | - | - | - |
| Số dư đầu năm nay | <u>313.010.600.000</u> | - | <u>11.566.005.214</u> | <u>324.576.605.214</u> |
| Tăng vốn góp trong kỳ | 375.789.400.000 | 90.531.970.000 | - | 466.321.370.000 |
| Tăng khác (i) | - | - | - | - |
| Lãi trong kỳ | - | - | 60.866.614.624 | 60.866.614.624 |
| Tăng khác | - | - | - | - |
| Giảm khác (i) | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ này | <u>688.800.000.000</u> | <u>90.531.970.000</u> | <u>72.432.619.838</u> | <u>851.764.589.838</u> |

14. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|--|-----------------------|-----------------|
| a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 37.555.176.136 | - |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu bán hàng hóa | - | - |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 37.555.176.136 | - |
| b) Trong đó doanh thu với các bên liên quan | | |
| Cộng | <u>37.555.176.136</u> | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|--------------------------|--------------------|-----------------|
| Giá vốn bán hàng hóa | | |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 218.296.800 | - |
| | 218.296.800 | - |

Ghi chú: (i) Giá vốn cung cấp dịch vụ là các chi phí phục vụ cho các hoạt động theo các hợp đồng về dịch vụ tư vấn quản trị, tài chính và xúc tiến thương mại. Giá vốn được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty.

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|-------------------------------|-------------------|-----------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 17.539.604 | |
| Doanh thu tài chính khác (ii) | | |
| | 17.539.604 | - |

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|------------------------------------|----------------------|-----------------|
| Lãi tiền vay | 20.662.500 | |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | 1.823.094.161 | |
| Chi phí tài chính khác | - | |
| | 1.843.756.661 | - |

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|---|--------------------|--------------------|
| a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ | | |
| Cộng | - | - |
| b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ | | |
| Chi phí nhân viên | 145.531.200 | 100.190.000 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | | |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 16.931.817 | 9.249.999 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 682.870.862 | 34.652.367 |
| Lợi thế thương mại phân bổ | | 41.381.766 |
| Chi phí bằng tiền khác | 25.645.021 | - |
| Cộng | 870.978.900 | 185.474.132 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
 Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower,
 Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MÃU SỐ B 09a-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | Số cuối kỳ | | Trong kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------------|---------------------------------|----------------|----------------|----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| <i>Vay ngắn hạn</i> | - | - | 26.770.697.466 | 26.770.697.466 | - | - |
| Công ty chứng khoán MB | - | - | 33.754.559.779 | 33.754.559.779 | - | - |
| Công ty cổ phần chứng khoán Sacombank | - | - | 27.416.057.687 | 27.416.057.687 | - | - |
| Nguyễn Mạnh Phú - Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng | - | - | 49.130.080.000 | 49.130.080.000 | - | - |
| Nguyễn Ngọc Thùy - Chủ tịch HĐQT | - | - | 31.000.000.000 | 31.000.000.000 | - | - |
| Nguyễn Ngọc Khánh - Thành viên HĐQT | - | - | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 | - | - |
| Nguyễn Thị Thanh Nhân | - | - | 29.170.000.000 | 29.170.000.000 | - | - |
| Nguyễn Trường Sơn - Thành viên HĐQT CTCP Anh ngữ Apax | - | - | 26.300.000.000 | 26.300.000.000 | - | - |
| | | | | | Tăng khác (i) VND | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Kỳ này VND | Kỳ trước VND |
|--|----------------------|-----------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 6.927.936.675 | - |
| Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này | - | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 6.927.936.675 | - |

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là dịch vụ tư vấn; không có hoạt động kinh doanh thứ yếu khác, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội, không phát sinh ở địa bàn nào khác, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán; số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/09/2016.



[Signature]
Vũ Cẩm La Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

[Signature]
Nguyễn Mạnh Phú
Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Thị Hải
Người lập